

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán: Mua sắm trang phục y tế và đồ vải năm 2026 của Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Hải Phòng
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Hải Phòng
- Tên gói thầu: Mua sắm trang phục y tế và đồ vải của Bệnh viện sức khỏe tâm thần Hải Phòng năm 2026
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Hải Phòng - Địa chỉ: Ngõ 275 Đông Khê, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng.

1.2.. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Hàng hóa thuộc gói thầu phải mới 100%, sản xuất năm 2026 trở lại đây.
- Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất (đối với trang phục, quần áo) phải tuân thủ mẫu mã, hình thức tại Thông tư số: 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế.
- Thông số kỹ thuật: Hàng hóa cung cấp phải đúng chủng loại, đúng thông số kỹ thuật, phù hợp như mô tả tại bảng yêu cầu về kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa tương đương. Yêu cầu có bảng so sánh chứng minh thông số kỹ thuật (chi tiết) của tất cả các hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn.
 - Nhà thầu lưu ý:
 - + Trong mọi trường hợp, nếu E-HSDT của nhà thầu cung cấp thông tin, tài liệu làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, không trung thực thì E-HSDT của nhà thầu bị loại và Nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đồng thời là căn cứ để Bên mời thầu đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong đơn vị.
 - + Nhà thầu có thể chào thầu hàng hóa có thông số đúng hoặc tương đương hoặc mới hơn yêu cầu (tương đương được hiểu theo đáp ứng toàn bộ các thông số được nêu ra trong một hàng hóa của E-HSMT, công nghệ mới hơn được hiểu là công nghệ ra sau và có những thông số tốt hơn so với các thông số được yêu cầu của một hạng mục hàng hóa trong E-HSMT). Nhà thầu phải lập bảng liệt kê thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu và kèm theo tài liệu kỹ thuật hoặc catalogue để chứng minh (không bắt buộc đối với các vật tư, phụ kiện).
 - + Khi lập danh sách, hàng hóa trong Hồ sơ dự thầu, đề nghị các nhà thầu lập theo thứ tự danh mục hàng hóa trong Hồ sơ mời thầu.
 - + Tên hãng sản xuất, xuất xứ, model, ký mã hiệu của hàng hóa (nếu có) nêu trong E-HSMT chỉ mang tính chất tham khảo

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng	ĐVT
1	Bộ blouse bác sĩ, dược sĩ	<p>Bộ blouse bác sĩ, dược sĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Vải Kate Ford (hoặc tương đương) - Màu sắc: Màu trắng + Thành phần (%): Polyeste (65±1) %; Cotton (35±1) % + Khối lượng (g/m²): 214±2 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 430±2; ngang: 227±2 + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 1410±2; ngang: 659±2 + Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 3.5 + Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): 7±2 + Độ bền màu mồ hôi, axit (cấp): 4-5 + Độ bền màu mồ hôi, kiềm (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h + Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h - Kiểu dáng: Áo kiểu dáng cổ bẻ 2 ve, áo dài tay, chiều dài áo quá gối 10cm, 4 thân, 3 túi. Quần âu 2 ly túi thẳng, 4 thân, có khóa, cạp cúc, chun 2 bên. In logo, hàng may đo theo yêu cầu. - In logo, may theo số đo 	163	Bộ
2	Bộ blouse điều dưỡng	<p>Bộ blouse điều dưỡng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Vải Kate Ford (hoặc tương đương) - Màu sắc: Màu trắng + Thành phần (%): Polyeste (65±1) %; Cotton (35±1) % + Khối lượng (g/m²): 214±2 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 430±2; ngang: 227±2 + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 1410±2; ngang: 659±2 + Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 3.5 + Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): 7±2 + Độ bền màu mồ hôi, axit (cấp): 4-5 + Độ bền màu mồ hôi, kiềm (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h 	302	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng	ĐVT
		<p>+ Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg): K.p.h</p> <p>- Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, áo dài tay, chiều dài áo quá hông 10cm, 3 thân, 3 túi ốp. Cổ áo, tay áo miệng túi có viền vải màu xanh cô ban. Quần âu 2 túi chéo, 4 thân moi khóa kéo, cạp cúc chun 2 bên.</p> <p>- In logo, may theo số đo</p>		
3	Váy điều dưỡng	<p>Váy điều dưỡng</p> <p>- Chất liệu: Vải Kaki thun (hoặc tương đương)</p> <p>- Màu sắc: Màu trắng</p> <p>+ Thành phần (%): Polyeste (80±1) %; Rayon (15±1) %; Spandex (5±1) %</p> <p>+ Khối lượng (g/m²): 250±2</p> <p>+ Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 480±2; ngang: 392±2</p> <p>+ Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 780±2; ngang: 1336±2</p> <p>+ Kiểu dệt: Vân chéo 2/2</p> <p>+ Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA - 3.0</p> <p>- Kiểu dáng: Váy kiểu cổ 2 ve, thân bỏ 7 mảnh, 2 túi dán ngang hông, có viền lé miệng túi, cổ và cửa tay. Trước ngực có khóa kéo, chiều dài váy quá gối 10cm.</p> <p>- In logo, may theo số đo</p>	10	Cái
4	Bộ quần áo văn phòng	<p>Bộ quần áo văn phòng</p> <p>1. Áo sơ mi:</p> <p>- Chất liệu: vải bamboo sọc tăm nhỏ (hoặc tương đương)</p> <p>- Màu sắc: nền trắng kẻ sọc tăm nhỏ</p> <p>+ Thành phần (%): Polyeste 100%</p> <p>+ Khối lượng (g/m²): 119±2</p> <p>+ Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 404±2; ngang: 278±2</p> <p>+ Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 822±2; ngang: 900±2</p> <p>+ Kiểu dệt: Vân điểm</p> <p>+ Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -0,5±0,2; ngang: 0±0,2</p>	63	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng	ĐVT
		+ Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 2. Quần âu: - Chất liệu: vải tuynsi chun (hoặc tương đương) - Màu sắc: màu xanh đen + Thành phần (%): Polyeste (69±1) %; Visco (29±1) %; Spandex (2±1) % + Khối lượng (g/m ²): 278±2 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 426±2; ngang: 288±2 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 48±2; ngang: 31±2 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,5±0,2; ngang: 0±0,2 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - In logo, may theo số đo		
5	Bộ quần áo hộ lý + bép	Bộ quần áo hộ lý + bép - Chất liệu: Vải Kate Ford (hoặc tương đương) - Màu sắc: Màu xanh hòa bình + Thành phần (%): Polyeste (65±1) %; Cotton (35±1) % + Khối lượng (g/m ²): 158±2 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286±2; ngang: 252±2 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 59±2; ngang: 57±2 + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0±0,2; ngang: -2,0±0,2 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Kiểu dáng: Áo kiểu cổ tròn, dài tay, chiều dài áo quá hông 10cm, có 4 thân, 3 túi ốp. Quần âu 2 ly túi thẳng, 4 thân, moi khóa, cạp cúc chun. - In logo, may theo số đo	10	Bộ
6	Bộ quần áo công tác xã hội	Bộ quần áo công tác xã hội: 1. Áo sơ mi: - Chất liệu: Vải Kate (hoặc tương đương) - Màu sắc: Màu xanh	5	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng	ĐVT
		<p>+ Thành phần (%): Polyeste (65±1) %; Rayon (35±1) %</p> <p>+ Khối lượng (g/m²): 166±2</p> <p>+ Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 300±2; ngang: 254±2</p> <p>+ Độ bền xé rách (N): Dọc: 49±2; ngang: 46±2</p> <p>+Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -0,5±0,2; ngang: 0±0,2</p> <p>+ Độ bền màu giặt (cấp): 4-5</p> <p>+ Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>2. Quần âu:</p> <p>- Chất liệu: Vải tuýp xi co giãn (hoặc tương đương)</p> <p>- Màu sắc: màu xanh đen</p> <p>+ Thành phần (%): Polyeste (80±1) %; Visco (14±1) %; Spandex (6±1) %</p> <p>+ Khối lượng (g/m²): 248±2</p> <p>+ Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 486±2; ngang: 367±2</p> <p>+ Độ bền xé rách (N): Dọc: 145±2; ngang: 297±2</p> <p>+Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -0,5±0,2; ngang: 0±0,2</p> <p>+ Độ bền màu giặt (cấp): 2-5</p> <p>+ Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</p> <p>-Kiểu dáng; Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có một túi sau.</p>		
7	Mũ y tế loại 1	<p>Mũ y tế loại 1</p> <p>- Chất liệu: Vải kaki, thấm hút tốt, thoáng mát, bền màu (hoặc tương đương)</p> <p>- Màu sắc: Màu trắng</p> <p>+ Thành phần (%): Cotton 100%</p> <p>+ Khối lượng (g/m²): 194±2</p> <p>+ Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 193±2</p> <p>+ Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 680±2; ngang: 233±2</p> <p>+ Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4.0</p> <p>+ Độ bền màu giặt (cấp): 4-5</p> <p>+ Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5</p>	10	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng	ĐVT
		+ Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA - 2.0 - Kiểu dáng: Kiểu 3 lá dán méch 2 lớp vải, có cúc bấm tăng chỉnh rộng chặt		
8	Mũ y tế loại 2	Mũ y tế loại 2 - Chất liệu: Vải kaki, thấm hút tốt, thoáng mát, bền màu (hoặc tương đương) - Màu sắc: Màu trắng + Thành phần (%): Cotton 100% + Khối lượng (g/m ²): 194±2 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 448±2; ngang: 193±2 + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 680±2; ngang: 233±2 + Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4.0 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 + Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5 + Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA - 2.0 - Kiểu dáng: Kiểu mũ tròn 2 lớp, có dây buộc, xé sau	150	Cái
9	Bộ quần áo bệnh nhân	Bộ quần áo bệnh nhân - Chất liệu: Vải kẻ sọc (hoặc tương đương) - Màu sắc: Nền trắng, kẻ sọc xanh lam + Thành phần (%): Polyeste (67±1) %; Cotton (33±1) % + Khối lượng (g/m ²): 100±2 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 422±2; ngang: 276±2 + Kiểu dệt: Vân điềm + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -0,5±0,2; ngang: -0,5±0,2 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Kiểu dáng: Áo kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Quần kiểu pyjama, dây chun bụng, có 1 túi sau - In logo, may theo cỡ	400	Bộ

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng	ĐVT
10	Ga chun giường bệnh nhân	<p>Ga chun giường bệnh nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Vải kaki Hàn Quốc 65/35 cotton (hoặc tương đương) - Màu sắc: Màu xanh lá cây + Thành phần (%): Polyeste (65±1) %; Cotton (35±1) % + Khối lượng (g/m²): 214±2 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 464±2; ngang: 224±2 + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 1568±2; ngang: 653±2 + Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4.0 + Độ bền màu giặt (cấp): 3-5 + Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5 + Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA – 2.5 - Kích thước bọc vào đệm (150 x 230) cm; in logo của bệnh viện 	150	Cái
11	Vỏ chăn	<p>Vỏ chăn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Vải kaki Hàn Quốc 65/35 cotton (hoặc tương đương) - Màu sắc: Màu xanh lá cây + Thành phần (%): Polyeste (65±1) %; Cotton (35±1) % + Khối lượng (g/m²): 214±2 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 464±2; ngang: 224±2 + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 1568±2; ngang: 653±2 + Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4.0 + Độ bền màu giặt (cấp): 3-5 + Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5 + Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA – 2.5 - Kích thước: (210 x 160) cm - Quy cách: Kiểu may 2 lớp có miệng để lồng ruột chăn; in logo của bệnh viện 	150	Cái

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng	ĐVT
12	Vỏ gói	Vỏ gói - Chất liệu: Vải kaki Hàn Quốc 65/35 cotton (hoặc tương đương) - Màu sắc: Màu xanh lá cây + Thành phần (%): Polyeste (65±1) %; Cotton (35±1) % + Khối lượng (g/m ²): 214±2 + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 464±2; ngang: 224±2 + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 1568±2; ngang: 653±2 + Độ vón gút sau 1000 chu kỳ (cấp): 4.0 + Độ bền màu giặt (cấp): 3-5 + Khả năng ngả vàng (cấp): 4-5 + Ngoại quan của vải sau giặt và làm khô (cấp): SA – 2.5 - Kích thước: (48 x 68) cm - Quy cách: Kiểu may 2 lớp có đê bèo chặn xung quanh và miệng để lồng ruột gói	100	Cái

Ghi chú:

- Nhà thầu cung cấp hàng hóa đúng khối lượng và chủng loại quy định hoặc tương đương hoặc tốt hơn các hàng hóa nêu trên, tên và mã hiệu (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo. Nhà thầu phải lập bảng liệt kê thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu và kèm Catalog hàng hóa để chứng minh.

- “Tương đương” có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, tính năng sử dụng, chất lượng là tương đương với các hàng hóa nêu trên.

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Chế độ bảo hành:

- Có mặt trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo khi có phát sinh liên quan đến chất lượng hàng hóa.

- Thu hồi sản phẩm lỗi kỹ thuật vải, kỹ thuật may, không đúng mẫu mã, kích thước, màu sắc, chất lượng.

- Thời hạn bảo hành: 03 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư đồng ý nhận hàng, logo đảm bảo không bay màu trong suốt thời gian sử dụng sản phẩm (tối thiểu 1 năm).

- Nội dung bảo hành: Khi sản phẩm đưa vào sử dụng, sản phẩm đảm bảo về đường kim mũi chỉ không bung, sút, quy cách may, lỗi kỹ thuật vải, hư hại phụ liệu may, màu sắc vải mất màu, loang màu khi giặt, vải bị xù lông, co rút ≥ 2 cm kích thước sản phẩm trong thời gian bảo hành.

1.3.2. Thời gian sửa chữa hàng hóa lỗi.

Trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận hàng, nếu phát hiện sản phẩm may có lỗi kỹ thuật hoặc không đảm bảo kỹ thuật may thì Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu và Nhà thầu có trách nhiệm đến thu hồi, sửa chữa, giao trả lại hàng hóa trong vòng 10 làm việc ngày kể từ ngày nhận lại sản phẩm lỗi.

Tất cả các chi phí liên quan đến việc sửa chữa, đổi mới, phí khác do Nhà thầu chịu.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:

* Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Địa điểm: Tại địa điểm bàn giao hàng hóa

- Kiểm tra, thử nghiệm sẽ được tiến hành khi hàng đến địa điểm bàn giao theo yêu cầu của E-HSMT.

- Chủ đầu tư sẽ trực tiếp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa với sự chứng kiến của nhà thầu:

+ Tỷ lệ kiểm tra: Kiểm tra theo xác suất cho từng lô hàng, lấy mẫu ngẫu nhiên từ 5% đến 10% số lượng sản phẩm trong lô hàng kiểm tra.

+ Kiểm tra ngoại quan: Kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường phải đạt yêu cầu theo quy định tại Yêu cầu về ngoại quan.

+ Kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật: Trải sản phẩm trên bàn phẳng, đo kích thước sản phẩm theo chiều dài, chiều rộng bằng thước dây, đo kích thước đường kính cúc bằng thước cặp. Kết quả kiểm tra phải đạt yêu cầu theo quy định tại “Yêu cầu về kỹ thuật”.

- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh hàng hóa không phù hợp. Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.